

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022.
V/v: “Ly hôn giữa chị D và anh N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Chinh.

Ông Nguyễn Thế Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị Thu D; Sinh năm: 1991(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Phố Cao Bình, phường Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh Lê Văn Nhuận; Sinh năm: 1988(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Đội 16, thôn Y Lư, xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2022 được bổ sung tại bản tự khai ngày 17/5/2022, nguyên đơn chị Nông Thị Thu D trình bày: Chị và anh N kết hôn vào ngày 12/4/2019, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 8/2019 cho đến

nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Nhuận.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Khánh H, sinh ngày 12/8/2019, hiện con chung đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nông Thị Thu D vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2022 và quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Văn Ntrình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Anh và chị Nông Thị Thu D kết hôn vào ngày 12/4/2019, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Từ tháng 8/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không có hòa thuận và không có hạnh phúc. Nay chị D xin ly hôn, anh nhất trí. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Khánh H, sinh ngày 12/8/2019, hiện con chung đang ở cùng chị D. Nay ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị D và anh N, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Nông Thị Thu D và anh Lê Văn Nhuận. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị Thu D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Khánh H, sinh ngày 12/8/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nông Thị Thu D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Thu D, anh Lê Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Thị Thu D, anh Lê Văn N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Nông Thị Thu D và anh Lê Văn N kết hôn vào ngày 12 tháng 04 năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh N cũng đồng ý. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị D và anh N nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Thu D đối với anh Lê Văn N.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Khánh H, sinh ngày 12/8/2019, hiện con chung đang ở cùng chị D. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung nên giao cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nông Thị Thu D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Thu D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, anh Lê Văn N kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nông Thị Thu D và anh Lê Văn Nhuận.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị Thu D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Khánh H, sinh ngày 12/8/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nông Thị Thu D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004642 ngày 17/5/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Thu D, anh Lê Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Hưng Đạo, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

